

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THỦY

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hà**.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Thái Văn Bê**.

2. Ông **Nguyễn Việt Thành**.

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 197/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2020.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Bùi Thị T**, sinh năm 1952.

Địa chỉ: KVBDA, LT, BT, CT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lâm Thanh T1, sinh năm 1969. Địa chỉ: KV4, AK, NK, CT.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1948.

Địa chỉ: KVBDA, LT, BT, CT.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hồ Thị Tr, sinh năm 1987 và ông Hồ Ngọc Th, sinh năm 1978. Cùng địa chỉ: AK, NK, CT.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Nguyễn Thanh Đ**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: KVBDA, LT, BT, CT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lâm Thanh T1, sinh năm 1969.

2. Sự thỏa thuận giữa các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Bùi Thị T và ông Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Đã trưởng thành.

- *Về tài sản chung*: Bà Bùi Thị T và ông Nguyễn Văn H có tài sản chung là quyền sử dụng đất tại KVBD, LT, BT, CT theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN299441, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CS15551 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ cấp ngày 10/8/2018 cho ông Nguyễn Văn H. Diện tích đất đo thực tế là 1506.3m² loại đất ODT + CLN (có 100m² đất ODT). Theo Bản trích đo địa chính số 77/TTKTTNMT ngày 24/11/2021, bà T và ông H thỏa thuận như sau:

Bà T quản lý, sử dụng phần đất tại vị trí A và một phần vị trí B có tổng diện tích 290m² (308.5m² – 18.5m² diện tích trong hành lang an toàn giao thông). (Trong đó có 100m² đất ODT, 190m² đất CLN và căn nhà trên đất).

Ông H quản lý, sử dụng diện tích đất tại vị trí C và một phần vị trí B, tổng diện tích ông H sử dụng là 1188.5m² đất CLN (1197.8m² - 9.3m² diện tích trong hành lang an toàn giao thông).

Ông H đồng ý để diện tích đất 134.6m² (143.9m² – 9.3m²) đất CLN tại vị trí B để làm lối đi chung (từ vị trí 4.75 đến 2.00, có trừ 9.3m² diện tích trong hành lang an toàn giao thông).

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

(Đính kèm Bản trích đo địa chính số 77/TTKTTNMT ngày 24/11/2021 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ).

Ghi nhận việc ông H không yêu cầu bà T trả lại phần giá trị chênh lệch tài sản bà T được hưởng cao hơn ông H.

Ông H có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Thanh Đ giá trị các cây trồng trên đất (40 cây xoài loại A và 11 cây xoài loại B) là 66.155.000 đồng (Sáu mươi sáu triệu một trăm năm mươi lăm ngàn đồng).

- *Về nợ chung*: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về chi phí đo đạc, thẩm định*: Chi phí đo đạc, thẩm định tài sản là 15.732.000 đồng (Mười lăm triệu bảy trăm ba mươi hai ngàn đồng), mỗi người phải nộp ½. Bà Bùi Thị T đã nộp và thanh toán xong nên ông Nguyễn Văn H có trách nhiệm giao trả lại cho bà T số tiền 7.866.000 đồng (Bảy triệu tám trăm sáu mươi sáu ngàn đồng).

- *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí chia tài sản*:

Nguyên đơn bà Bùi Thị T được miễn án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí chia tài sản; bị đơn ông Nguyễn Văn H được miễn án phí chia tài sản và án phí đối với phần nghĩa vụ phải thực hiện đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do là người cao tuổi theo quy định tại Điều 12, Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Nguyễn Thanh Đ được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.864.625 đồng (Một triệu tám trăm sáu mươi bốn ngàn sáu trăm hai mươi lăm đồng) theo Biên lai thu số 005089 ngày 11/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thủy.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

*Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Bình Thủy;
- THA Q. Bình Thủy;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hà